

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2022.

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Đoàn Hạnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Văn Cường**

Bà **Nguyễn Thị Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Trọng Thắng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Mai Trường Trinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị U**, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh L.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh K**, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh L.

(Tại phiên tòa bà Trần Thị U có mặt, ông Nguyễn Minh K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai nguyên đơn bà **Trần Thị U** trình bày: Bà **Trần Thị U** và ông **Nguyễn Minh K** kết hôn với nhau năm 1991,

trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Kai, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận vào ngày 18/5/2000.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà sống tại xã Đa Kai, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận được 10 năm thì chuyển lên Lâm Đồng sống, cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên từ năm 2021 thì cuộc sống chung của ông bà không được hòa thuận mà thường xuyên bất hòa, nguyên nhân là ông bà có quá nhiều sự khác biệt, bất đồng tính cách, lối sống và quan điểm sống. Không khí gia đình luôn căng thẳng, mệt mỏi. Ông bà cũng đã cố gắng nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả và đến nay mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên bà U giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông K.

Về con chung: Ông bà có ba con chung là Nguyễn Xuân B, sinh ngày 09/4/1992, Nguyễn Đại N, sinh ngày 12/4/1993 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 20/5/2003. Hiện nay các con ông bà đã trưởng thành và phát triển bình thường nên khi ly hôn bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà đã tự thỏa thuận giải quyết xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà U xác định có nợ Ngân hàng TMCP Á Châu, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch Lâm Hà số tiền 150.000.000đồng. Ngoài ra, không còn nợ ai khác. Khi ly hôn bà U và ông K sẽ tự giải quyết với Ngân hàng nên bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Minh K trình bày:* Ông Nguyễn Minh K đã kết hôn với bà Trần Thị U vào năm 1991, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Kai, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận vào ngày 18/5/2000.

Đến năm 2010 gia đình ông chuyển lên thôn Phi Nôm, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng sống, đến năm 2018 thì ông bà chuyển vào Phúc Thọ, Lâm Hà sống đến nay. Quá trình chung sống do điều kiện sinh hoạt và lao động của ông bà có nhiều bất đồng, không thống nhất được mọi việc nên trong cuộc sống hai bên rất khó chịu về nhau. Vì vậy, ông và bà U thống nhất ly hôn để giải thoát cho nhau.

Về con chung: Ông bà có ba con chung là Nguyễn Xuân B, sinh ngày 09/4/1992, Nguyễn Đại N, sinh ngày 12/4/1993 và Nguyễn Thị T, sinh ngày

20/5/2003. Hiện nay các con ông bà đã trưởng thành, có việc làm và đã có gia đình riêng nên khi ly hôn ông K cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà thống nhất tự thỏa thuận giải quyết nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà có nợ Ngân hàng TMCP Á Châu, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch Lâm Hà số tiền 150.000.000đồng. Ngoài ra, không còn nợ ai khác. Khi ly hôn hai bên sẽ cùng có trách nhiệm trả nợ và tự giải quyết với Ngân hàng nên ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông K vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà U vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông K. Ngoài ra, bà U không còn yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà U. Các vấn đề khác không đặt ra để xem xét giải quyết. Buộc bà U phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông K vắng mặt nhưng ông K có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông K là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh K và bà Trần Thị U kết hôn với nhau năm 1991, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Kai, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận vào ngày 18/5/2000 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà U xác định vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay nên bà U giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Còn ông K vắng mặt nhưng trong lời khai của mình ông K cũng đồng ý giải quyết ly hôn. Xét thấy, bà U và ông K phát sinh mâu thuẫn là do ông bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên không thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Đến nay ông bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài nên bà U yêu cầu ly hôn, ông K cũng đồng ý giải quyết ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà U, xử cho bà U và ông K được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung*: Ông Nguyễn Minh K và bà Trần Thị U có ba con chung là Nguyễn Xuân B, sinh ngày 09/4/1992, Nguyễn Đại N, sinh ngày 12/4/1993 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 20/5/2003. Khi ly hôn ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, hiện nay các con ông bà đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết giao cho bố hoặc mẹ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục mà đây là trách nhiệm chung của ông K, bà U đối với các con ông bà.

[4] *Về tài sản chung*: Ông Nguyễn Minh K và bà Trần Thị U xác định đã tự thỏa thuận giải quyết và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Ông Nguyễn Minh K và bà Trần Thị U xác định có nợ Ngân hàng TMCP Á Châu, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch Lâm Hà số tiền 150.000.000đồng. Ngoài ra, không còn nợ ai khác. Khi ly hôn ông bà tự giải quyết với Ngân hàng nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho Ngân hàng được biết và Ngân hàng cũng có văn bản trình bày ACB có cấp tín dụng cho bà U, ông K số LAH.CN.2707.151020 ngày 30/10/2020 và khế ước nhận nợ ngày 04/10/2021. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông K bà U đã thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền thửa đất 165, tờ bản đồ 54 xã Phúc Thọ. Hiện nay ông K bà U đang thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, tính đến ngày 21/02/2022

ông bà còn nợ 150.000.000đồng nợ gốc. Ông K, bà U ly hôn không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên việc ly hôn không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ liên đới của ông K, bà U đối với ACB theo hợp đồng đã ký nên ACB không có yêu cầu gì trong vụ án này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc bà U phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227 và Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Thị U, xử cho bà Trần Thị U và ông Nguyễn Minh K được ly hôn.

2. Về án phí: Bà Trần Thị U phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị U đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0002932 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Bà Trần Thị U đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/3/2022) bà Trần Thị U có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng ông Nguyễn Minh K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trịnh Đoàn Hạnh Trang